

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM CHUBB VIỆT NAM

Báo cáo của Kiểm toán Độc lập

Các báo cáo tài chính của Bảo Hiểm Chubb Việt Nam (“Công ty”) được soạn thảo và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm Việt Nam và các quy định hiện hành của nước CHXHCN Việt Nam. Đơn vị kiểm toán độc lập của Công ty là Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) - “PwC”.

PwC đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 và đã nêu ý kiến rằng Báo cáo Tài chính đã thể hiện trung thực và hợp lý, trên mọi phương diện trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

(MS2 - CBTT Ban hành kèm theo Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM CHUBB VIỆT NAM
- Kỳ báo cáo: Năm 2017 từ 01/01/2017 đến 31/12/2017

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT

		Tại ngày 31 tháng 12 năm	
STT	Chỉ tiêu	2016	2017
TÀI SẢN			
I	Tài sản ngắn hạn	529.234.815.299	541.430.855.011
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	284.635.275.521	258.393.303.052
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	129.500.000.000	161.500.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	28.680.679.935	23.317.110.862
4	Tài sản ngắn hạn khác	10.360.535.807	9.386.142.001
5	Tài sản tái bảo hiểm	76.058.324.036	88.834.299.096
II	Tài sản dài hạn	9.378.551.963	7.693.734.430
1	Tài sản cố định	679.576.209	604.497.430
	- Nguyên giá	10.850.999.475	10.151.655.185
	- Khấu hao lũy kế	(10.171.423.266)	(9.547.157.755)
2	Các khoản ký quỹ dài hạn	7.056.539.000	7.089.237.000
3	Tài sản dài hạn khác	1.642.436.754	-
III	TỔNG TÀI SẢN	538.613.367.262	549.124.589.441
CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
IV	Công nợ	230.413.682.868	234.852.640.368
1	Nợ ngắn hạn	106.346.445.703	76.860.171.799
2	Nợ dài hạn	45.961.539	49.400.001
3	Dự phòng nghiệp vụ	124.021.275.626	157.943.068.568
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	308.199.684.394	314.271.949.073
1	Vốn góp của chủ sở hữu	337.455.151.000	337.455.151.000
2	Quỹ dự trữ bắt buộc	1.120.156.306	1.423.769.540
3	Lỗ lũy kế	(30.375.622.912)	(24.606.971.467)
VI	TỔNG CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	538.613.367.262	549.124.589.441

CHUBB®

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÓM TẮT

STT	Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2016	2017
1	Tổng doanh thu	91.296.455.704	94.483.752.624
	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	81.657.200.992	87.457.627.871
	Doanh thu từ hoạt động tài chính	8.736.874.369	6.382.780.324
	Doanh thu khác	902.380.343	643.344.429
2	Tổng chi phí	(83.319.552.049)	(88.411.487.945)
	Chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(30.093.399.788)	(26.249.822.935)
	Chi phí hoạt động tài chính	(45.440.099)	(887.608.246)
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(53.064.066.417)	(61.083.211.850)
	Chi phí khác	(116.645.745)	(190.844.914)
3	Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	7.976.903.655	6.072.264.679
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
5	(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập	7.976.903.655	6.072.264.679

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2016	2017
1	Cơ cấu tài sản			
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	98,26	98,60
-	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	1,74	1,40
2	Cơ cấu nguồn vốn			
-	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	42,78	42,77
-	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	57,22	57,23
3	Khả năng thanh toán			
-	Khả năng thanh toán hiện hành	Times	2,30	2,31
-	Khả năng thanh toán nhanh	Times	1,24	1,10
4	Tỷ suất lợi nhuận			
-	Tỷ suất (lỗ)/lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	1,48	1,10
-	Tỷ suất (lỗ)/lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	4,25	2,90
-	Tỷ suất (lỗ)/lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	2,59	1,93

Ngày 27 tháng 03 năm 2018



Đặng Hoàng Tùng
Tổng Giám Đốc